

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/DS-ST
Ngày: 31-3-2026
V/v “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Tác

Bà Hoàng Thị Kim Oanh

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Ánh- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện VKSND nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh: Bà Dương Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2026, Tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 395/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2026/QĐXXST-DS ngày 25/02/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2026/QĐXXST-DS ngày 23/3/2026, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1956 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn S, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

**** Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

Anh Đặng Anh T1, sinh năm 1977 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn S, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện*** đề ngày 15/10/2025, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà và anh Nguyễn Văn H có quen biết với nhau từ trước. Ngày 16/10/2021 âm lịch (tức 21/11/2021 dương lịch), bà có cho anh Nguyễn Văn H vay số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Giấy vay tiền viết tại nhà bà, khi vay hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất cho vay là 10%/năm, không ghi vào

giấy vay tiền. Lúc viết giấy biên nhận vay tiền có mặt bà, anh H, ngoài ra không có ai khác. Phần đầu giấy vay tiền có ghi “Chúng tôi có vay tiền của: bà Nguyễn Thị M và con trai Đặng Anh T1”, nhưng tại thời điểm viết giấy không có mặt anh Đặng Anh T1 và số tiền 150.000.000 đồng là tiền riêng của bà cho anh H vay không liên quan gì đến con trai bà là anh T1. Khi viết giấy phần đánh máy bà có ghi cả tên con trai bà là anh T1, nay bà xác định anh T1 không biết cũng không liên quan gì đến việc vay mượn tiền này. Chữ viết, chữ ký trong mục người vay ký tên “H, Nguyễn Văn H” là chữ ký chữ viết của anh H. Bà đã đưa cho anh H tiền mặt đủ số tiền 150.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng thời hạn trả tiền là sau 05 ngày, tức 26/11/2021, phải trả cho bà số tiền trên. Anh H vay bà số tiền trên mục đích cá nhân anh H. Do vậy, bà đề nghị anh H phải trả cho bà số tiền gốc và lãi trên kể từ ngày vay là ngày 16/10/2021 (âm lịch). Bà xác định số tiền vay là nợ riêng của anh H, không liên quan đến vợ anh H, và là số tiền của cá nhân bà, không liên quan gì đến anh T1, đề nghị không đưa anh Đặng Anh T1 vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Bà xác định anh H đã trả cho bà được khoảng 6 tháng tiền lãi khoảng 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), còn số tiền gốc thì anh H chưa trả được ít nào. Nay bà yêu cầu cá nhân anh Nguyễn Văn H phải trả cho bà số tiền gốc 150.000.000 đồng và trả số tiền lãi là 10%/năm tính từ ngày 16/10/2021 âm lịch (tức 21/11/2021 dương lịch) cho đến ngày xét xử, và yêu cầu trừ vào số tiền lãi 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) mà anh Nguyễn Văn H đã trả.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị M có mặt, bà xin rút yêu cầu trả lãi, chỉ yêu cầu anh H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc 150.000.000 đồng.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và bà M có quen biết với nhau, ngày 16/10/2021 âm lịch (tức 21/11/2021 dương lịch), anh có vay của bà Nguyễn Thị M số tiền 150.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay, có thỏa thuận lãi suất 2.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày, không thỏa thuận thời hạn trả, mục đích vay để chi tiêu cá nhân. Anh xác định đây là nợ riêng của cá nhân anh vì khi vay thì anh không nói cho vợ anh là chị Đặng Thị L biết. Sau khi vay, thì anh xác định đã trả được số tiền lãi 120.000.000 đồng từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 02 năm 2023. Anh sẽ cung cấp cho Tòa án chứng cứ về việc trả tiền trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày 27/02/2026.

Nay bà M yêu cầu cá nhân anh phải trả cho bà số tiền gốc 150.000.000 đồng và trả số tiền lãi là 10%/năm, tính từ ngày 16/10/2021 âm lịch (tức 21/11/2021 dương lịch) cho đến ngày xét xử thì anh đồng ý trả số tiền gốc 150.000.000 đồng, còn số tiền lãi đồng ý trả nhưng đề nghị trừ vào số tiền 120.000.000 đồng mà anh đã trả.

Tại phiên tòa anh H vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Anh T1 trình bày: Anh là con đẻ của bà Nguyễn Thị M, anh đã được cán bộ Tòa án cho xem giấy biên nhận vay tiền đề ngày 16/10/2021 và có ghi tên anh là Đặng Anh T1. Anh xác định số tiền mà bà Nguyễn Thị M cho anh Nguyễn Văn H vay tiền là tiền của cá nhân bà Nguyễn Thị M, không liên quan đến cá nhân anh và đề nghị Tòa án không đưa anh vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Anh xin được vắng mặt tại các buổi phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chấp hành tốt, bị đơn chấp hành chưa tốt.

Áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; khoản 2-Điều 244; điểm b khoản 2 -Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự; điểm đ-khoản 1-Điều 12; khoản 2 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

Buộc anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu trả lãi do bà Nguyễn Thị M rút yêu cầu.

3. Về án phí dân sự: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 7.500.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị M được miễn tạm ứng án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi.

Quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn H trả số tiền gốc và lãi, xác định là quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Điều 463 của Bộ luật dân sự và theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân. Bị đơn cư trú tại xã H, tỉnh Bắc Ninh. Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu cá nhân anh Nguyễn Văn H trả số tiền gốc 150.000.000 đồng thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, thì hai bên đều xác định, ngày 16/10/2021 âm lịch (tức 21/11/2021 dương lịch), anh Nguyễn Văn H có vay của bà M số tiền 150.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, có thỏa thuận lãi. Bà Minh xác Đ anh H đã trả được số tiền 20.000.000 đồng tiền lãi, còn anh H xác định đã trả được số tiền 120.000.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, anh H không có chứng cứ chứng minh cho việc anh đã trả số tiền trên. Do vậy, căn cứ anh H đưa ra không có căn cứ. Do vậy, bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu cá nhân anh Nguyễn Văn H trả số tiền gốc 150.000.000 đồng cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: bà Nguyễn Thị Minh xác Đ là nợ riêng của anh Nguyễn Văn H và là tài sản riêng của bà. Anh H cũng xác định là nợ riêng của cá nhân anh. Do vậy, buộc cá nhân anh Nguyễn Văn H phải trả cho bà Nguyễn Thị M là có căn cứ.

[5] Về lãi suất cho vay: Trong quá trình giải quyết, bà M yêu cầu tính lãi 10%/năm. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà M xin rút đối với yêu cầu về lãi. Xét thấy việc rút yêu cầu về lãi là hoàn toàn tự nguyện nên cần đình chỉ theo khoản 2 Điều 244 -Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bà Nguyễn Thị M được miễn tạm ứng án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; khoản 2-Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 2- Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 5-Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

Buộc anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng)

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu trả lãi do bà Nguyễn Thị M rút yêu cầu.

3. Về án phí dân sự: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị M được miễn tạm ứng án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 2-Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 2-Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị SỰ

